

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiên
2. Bà Lê Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 588/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46B/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng G, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: Trần Văn Đang, Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp CL, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

(vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Trần Văn Đang, Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 07 tháng 11 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2000. Được Ủy ban nhân dân Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 196/2000 ngày 29 tháng 12 năm 2000 theo Trích lục kết hôn số 454/TLKH-BS ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại nhà của gia đình ông H ở địa chỉ: Trần Văn Đang, Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã căng thẳng do ông H thường xuyên uống rượu say về đánh vợ, đánh con, không chịu đi làm để có thu nhập lo cho gia đình nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Nhiều lần bà đã khuyên bảo để mong ông H thay đổi nếp sống, tìm việc làm, ổn định cuộc sống và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Năm 2018, khi bị đánh đập nhiều lần, không còn khả năng chịu đựng nên bà G đã dẫn con bỏ về cha mẹ đẻ của bà G tại Ấp CL, xã BÐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay. Từ khi bỏ đi, bà G và con gái của bà là Nguyễn Thị Trúc L không còn liên lạc với ông H vì sợ bị ông H chửi mắng, đánh đập. Phía ông H cũng không có những động thái tích cực như liên lạc, hỏi thăm, quan tâm tới mẹ con bà để hàn gắn tình cảm gia đình. Qua người thân của ông H, bà G đã nói chuyện để thống nhất việc ly hôn của vợ chồng bà nhưng người thân của ông H cho biết, ông H không đồng ý ly hôn vì lý do bà G tự ý cầm sổ hộ khẩu gia đình bỏ đi. Ông H sẽ đồng ý ly hôn khi bà G trả lại sổ hộ khẩu và cắt hộ khẩu ra khỏi nhà Trần Văn Đang. Lý do bà chưa trả hộ khẩu và chuyển hộ khẩu vì bà chưa tìm được nơi để nhập hộ khẩu, hiện mẹ của bà đã già yếu, không thể làm thủ tục nhập hộ khẩu cho bà về nhà mẹ của bà được. Việc ông H không đồng ý ly hôn là vì lý do bà và con gái không ở lại chăm sóc cho ông H, lý do bà phải trả sổ hộ khẩu và cắt hộ khẩu ra khỏi nhà của gia đình ông H chỉ là cái cớ để kéo dài việc giải quyết vụ án. Nay bà nhận thấy tình cảm của bà với ông H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Trọng H có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2001, đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng H đã được tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Nguyễn Trọng H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trọng H có nơi cư trú tại địa chỉ Trần Văn Đang, Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 03 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Trọng H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng H.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 196/2000 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 29 tháng 12 năm 2000 thì nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G và bị đơn ông Nguyễn Trọng H có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án bà G đều xác nhận, đến năm 2018 đến nay vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con, khi về nhà ông H lại uống rượu, chửi mắng và xúc phạm bà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Cuối năm 2018, sau nhiều lần bị đánh đập, không còn khả năng chịu đựng nên bà G đã dẫn con bỏ về cha mẹ đẻ của bà G tại Ấp CL, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay. Từ khi bỏ đi, bà G và

con gái của bà là Nguyễn Thị Trúc L không còn liên lạc với ông H. Tình trạng này của bà G và ông H đã thể hiện bà G và ông H không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, không còn liên kết với nhau bằng tình cảm gia đình.

Tại Biên bản làm việc ngày 16 tháng 3 năm 2023, ông Bùi Trọng Hiếu cho biết: Ông không đồng ý ly hôn với bà G vì bà G tự ý bỏ nhà đi từ năm 2018, khi đi bà G đã cầm theo sổ hộ khẩu gia đình khiến ông không có sổ hộ khẩu để làm giấy tờ tùy thân. Hiện ông không còn tình cảm với bà G nhưng ông chỉ đồng ý đến Tòa thỏa thuận ly hôn với bà G khi bà G trả lại cuốn sổ hộ khẩu cho ông.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Trọng H đến Tòa để lấy ý kiến và hòa giải nhưng bị đơn ông H vắng mặt, không tham gia. Việc này thể hiện bị đơn ông đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, không còn xem trọng tình cảm gia đình của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về điều kiện của bị đơn ông H yêu cầu nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G phải trả lại ông cuốn sổ hộ khẩu để đồng ý ly hôn. Yêu cầu này của ông H không được bà G đồng ý và không phải là căn cứ để Hội đồng xét xem xét.

2.2. Về con chung: Căn cứ các Bản sao Giấy khai sinh số 49 ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân Phường K Quận 3, thể hiện nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 05/02/2001, đã thành niên và bà G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

2.3. Về tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Lê Thị Hồng G phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

b) Về con chung: Bà Lê Thị Hồng G và ông Nguyễn Trọng H có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2001, đã thành niên.

c) Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007778 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Lê Thị Hồng G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng G và ông Nguyễn Trọng H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- UBND Quận 3;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

Trịnh Thị Hoa